TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/DS-PT
Ngày: 25 – 6 – 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Tăng Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Thị S, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

2. Ông Thạch H, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2018). (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà X Thị I, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Thạch D, địa chỉ: Ấp V, xã Th, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. Bà Thạch Thị N (Vắng mặt).

3. Ông Thạch G (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Thạch Thị X, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

5. Bà Thạch Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

6. Bà Thị E, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

7. Bà Thị Ư, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

8. Ông Thạch Y, sinh năm 1984 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Thị E và bà Thị Ư: Ông Thạch Y, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/4/2018). (Có mặt).

9. Ông Danh T, sinh năm 1943; địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

10. Ông Sơn A, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

11. Ông Sơn U, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

12. Ông Sơn Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp số 08, thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

13. Bà X Thị Ê; địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

14. Bà X Thị O, địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

15. Ông Sơn V, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp H, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

16. Ông Lâm C (Vắng mặt).

17. Ông Lâm K (Vắng mặt).

18. Ông Lâm Ơ (Vắng mặt).

19. Ông Trần Văn Z, sinh năm 1976 (Có mặt).

20. Ông D Xà M, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

21. Ngân hàng NPVN; địa chỉ: Số 02 LH, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Trần Thanh B; địa chỉ: ấp M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Thị S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Kim Điền P trình bày:

Vào năm 1984, thì cha mẹ ông Thạch H là ông Thạch Ă và bà Thị Â có chia cho vợ chồng ông Thạch H phần đất ruộng tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đến tháng 4 năm 1992, bà S và ông H có cho bà Thạch Thị J (Đã chết năm 2000) và các con của bà J gồm bà X, bà L, ông G, bà N và ông D mượn phần đất ruộng diện tích 03 công tầm cấy, thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 06 (Trong tổng số diện tích đất 17.000m^2 mà cha mẹ ông cho) tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để canh tác, thỏa thuận khi nào cần thì ông H và bà S lấy lại. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) cho hộ ông H vào năm 1995. Cùng năm 1995, bà S và ông H có nhu cầu sử dụng đất và đòi lại thì mới phát hiện bà J đã lấy phần đất này cố cho bà Dương Thị Ô với giá 01 chỉ vàng 24k. Đến năm 1998, bà S và ông H có khả năng và xin chuộc lại đất nhưng gia đình bà Ô không đồng ý mà buộc phải chuộc luôn cả 06 công đất mà ông, bà đã cố cho bà Ô vào năm 1995 vì không đủ khả năng nên không có chuộc. Đến năm 2004, ông H và bà S tiếp tục yêu cầu chuộc lại đất nhưng bà Ô vẫn giữ nguyên ý kiến và ra giá 06 công đất là 2,4 lượng vàng 24k. Hiện nay bà Ô đã chết và để phần đất trên lại cho con tên Danh Thị I canh tác. Khi gia đình ông H qua để xin chuộc lại thì phía bà I cho rằng phần đất này bà Ô đã nhận chuyển nhượng từ bà J và không đồng ý cho chuộc lại đất.

Phần đất theo yêu cầu khởi kiện có diện tích 03 công tầm cấy, thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét, thẩm định của Tòa án thì phần đất có tổng diện tích là 4.348,1m^2 trong đó bao gồm diện tích 3.170,2m^2 thuộc thửa 112 và diện tích 1.117,9m^2 thuộc thửa 109 (Bà Dương Thị Ê đứng tên QSDĐ).

Nay bà Thị S và ông H chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà I trả lại phần đất ruộng có diện tích theo số đo thực tế là 3.170,2m^2, thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bà S và ông H đồng ý trả lại cho bị đơn 01 chỉ vàng 24k vàng cố đất. Ngoài ra, bà S và ông H không yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà X Thị I trình bày:

Vào năm 1992, mẹ bà là bà Dương Thị Ô có nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị J diện tích là 03 công đất ruộng tọa lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này có nguồn gốc là của cha mẹ bà J chết để lại cho bà J. Nhưng không biết lý do gì ông Thạch H được đứng tên quyền sử dụng phần đất này. Trong phần đất này thì mẹ bà nhận chuyển nhượng từ bà J và ông Thạch R là 02 công với giá 01 chỉ vàng 24k chỉ thỏa thuận miệng, nhận chuyển nhượng từ ông H là 01 công với giá là 01 chỉ vàng 24k có làm giấy tay. Bà cũng không hiểu lý do gì mà 03 công đất của bà J mà lại nhận chuyển nhượng từ ông H 01 công. Do lúc đó Giấy chứng nhận QSDĐ ông H đang thế chấp Ngân hàng nên không tách QSDĐ được, nhiều lần có yêu cầu nhưng ông H trả lời là chưa chuộc Giấy chứng nhận QSDĐ về nên không tách được. Sau khi nhận chuyển nhượng từ năm 1992 thì gia đình bà sử dụng liên

tục cho đến nay. Hiện phần đất này mẹ bà đã chia cho bà X Thị O canh tác. Bà Đẹp canh tác cùng với chồng là Lâm C, con Lâm Ơ và Lâm K. Khi mẹ bà và bà J còn sống thì gia đình ông H không yêu cầu đòi lại đất mà đến khi mẹ bà và bà J chết thì mới đòi.

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn thì bà không đồng ý vì phần đất này là do cha mẹ bà đã nhận chuyển nhượng từ bà J. Đồng thời, phần đất này là của bà J không phải của ông H.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Y trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn và yêu cầu bị đơn trả lại phần đất ruộng có diện tích theo số đo thực tế là 3.170,2m^2, thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Gia đình ông đồng ý trả lại cho bị đơn 01 chỉ vàng 24K vàng cố đất. Gia đình ông không yêu cầu gia đình bà J phải trả lại số vàng cố đất đã nhận từ gia đình bị đơn.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ngọt trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà X Thị I. Từ khi ông cưới và về sinh sống với bà I đến nay thì phần đất tranh chấp là do gia đình ông canh tác, hiện nay phần đất này đã giao lại cho chị là bà X Thị O canh tác.

- Trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D Xà M trình bày:

Trong diện tích đất tranh chấp có diện tích là 1.117,9m^2 thuộc thửa 109, tờ bản đồ số 06, tọa lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là của vợ chồng ông, phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận do vợ ông là bà Dương Thị Ê đứng tên. Toàn bộ phần đất tranh chấp bao gồm diện tích thửa 112 và thửa 109 có nguồn gốc là của bà J chuyển nhượng lại cho bà Dương Thị Ô. Sau đó thì bà Ô cho lại vợ chồng ông canh tác.

Nay nguyên đơn yêu cầu trả lại phần đất này thì ông không đồng ý. Riêng diện tích là 1.117,9m^2 thuộc thửa 109 hiện bà X Thị I canh tác sau đó để lại cho bà X Thị O canh tác thì ông không yêu cầu gì mà sẽ tự thỏa thuận. Do khi bà Dương Thị Ô chia đất cho các con chỉ xác định vị trí đất rồi đắp bờ ranh để sử dụng và phần của ai người đó quản lý mà không có kiểm tra lại diện tích.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết có ý kiến trình bày:

Giữa mẹ bà (Bà J) và ông H là chị em, ông H trình bày cho mẹ bà mượn 03 công tầm cấy đất của thửa 112, tờ bản đồ số 06 ở Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là sai. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông H và bà I là của ông ngoại bà là ông Thạch Ă cho mẹ bà tổng cộng là 07 công. Hiện số đất này mẹ bà đã cố cho bà Ô nên việc ông H kiện đòi đất tranh chấp từ gia đình bà Ô thì bà không đồng ý. Trong vụ án này bà không yêu cầu xử lý hợp đồng cầm cố và cũng không yêu cầu đòi đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị X và bà Thạch Thị L

vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng quá trình giải quyết có ý kiến trình bày:

Giữa mẹ bà J và ông H là chị em, bà J không có mượn đất của ông H. Trong vụ án này không yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp.

- Ngân hàng NPVN:

Không có yêu cầu gì trong vụ án này đối với khoảng vay của nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng số 7607LAV201601685 ngày 12/7/2016.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 đã quyết định:

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 của Bộ luật Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch H và bà Thị S về việc buộc bị đơn bà X Thị I trả phần đất có diện tích 3.170,2m^2 thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 06, toạ lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cạnh: Hướng đông giáp phần đất thuộc thửa 109 có số đo: 39m. Hướng tây giáp kênh thủy lợi có số đo: 39,05m. Hướng nam giáp đất bà Dương Thị Ê đang quản lý, sử dụng (Đất thuộc thửa 112) có số đo: 79,45m + bờ kênh 02m. Hướng bắc giáp đất bà X Thị I và bà Dương Thị HG đang quản lý, sử dụng (đất thuộc thửa 97) có số đo: 78,98m + bờ kênh 02m *(Có sơ đồ kèm theo).*

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 08/11/2019, nguyên đơn bà Thị S có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là buộc bà I trả lại phần đất có diện tích 3.170,2m^2, thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà S không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; đồng thời cho rằng theo Tờ sang nhượng thành quả lao động năm 1992 là không có thật và đã có yêu cầu giám định đối với dấu vân tay phía dưới tên ông Thạch H (Bên người sang). Do múc kênh bị mất đất nên diện tích còn lại là 3.170,2m^2, ông chỉ yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất này. Bị đơn bà I cho rằng theo Giấy chuyển nhượng thành quả lao động năm 1992 là do ông H chuyển nhượng cho mẹ của bà 01 công (Nằm trong phần đất tranh chấp), phần còn lại 02 công mẹ bà chuyển nhượng của bà J, khi nguyên đơn khởi kiện thì phần đất tranh chấp do bà trực tiếp quản lý, sử dụng; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Thị S, ông Thạch H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị E, bà Thị Ư đều vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch D, bà Thạch Thị N, ông Thạch G, bà Thạch Thị X, bà Thạch Thị L, ông Danh T, ông Sơn A, ông Sơn U, ông Sơn Đ, bà Dương Thị Ê, bà X Thị O, ông Sơn V, ông Lâm C, ông Lâm K, ông Lâm Ơ, ông D Xà M, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Trần Thanh B vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bà Thị S là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về nguồn gốc đất: Các bên đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp có diện tích 3.170,2m^2, thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của ông Thạch Ă và bà Thị Â (Là cha và mẹ của ông Thạch H và bà Thạch Thị J) chết để lại; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của bà Thị S về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là buộc bà I trả lại phần đất có diện tích 3.170,2m^2, thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, ông H cho rằng phần đất tranh chấp ông được cha là ông Thạch Ă và mẹ là bà Thị Â cho ông vào năm 1984; đến năm 1992 ông cho bà Thạch Thị J (Chết năm 2000) và các con của bà J mượn canh tác. Tuy nhiên, các con của bà J không thừa nhận có việc mượn đất như lời ông H trình bày mà cho rằng phần đất tranh chấp bà J đã được cha, mẹ tặng cho. Theo lời khai của những người làm chứng gồm: Bà Thạch Thị BL là em ruột của ông H (BL số 295 - 2976) xác định sau khi cha mẹ chết thì ông H đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ đối với toàn bộ đất của cha, mẹ bà kể cả phần đất cha, mẹ bà đã cho bà; phần đất tranh chấp là do cha, mẹ bà cho bà J; còn theo ông Thạch H (H Nhỏ) là em ruột của ông H (BL số 299 - 300) xác định phần đất tranh chấp là do cha, mẹ cho bà J, không phải cho ông H. Mặc dù, ông H đi đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 1995,

nhưng theo Công văn số 740/UBND-VP, ngày 20/11/2018 của UBND huyện Thạnh Trị (BL số 165) xác định thửa đất số 112, tờ bản đồ số 06, diện tích 17.000m^2, loại đất mùa, do ông H đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất và đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 276/D 711127; tại thời điểm cấp giấy không có kiểm tra đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng. Ngoài Giấy chứng nhận QSDĐ ra thì ông H không có giấy tờ nào khác để chứng minh ông được cha, mẹ cho đất và ông cũng không có giấy tờ nào khác để chứng minh ông có cho bà J và các con của bà J mượn đất để canh tác. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm ông H có yêu cầu xác minh 02 người làm chứng là ông Danh T và bà Thị BL; theo ông Út xác định bà Thị BL là vợ ông hiện nay sống với các con ông ở huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; ông cho rằng phần đất tranh chấp hiện nay ông không biết là phần đất nào, nằm ở đâu, ông không biết ông H có cho bà J mượn đất hay không. Đồng thời, theo người làm chứng ông DP nguyên là Trưởng ban nhân dân ấp Kinh Ngay 2 và ông DS đều xác định các ông không biết rõ việc cha, mẹ ông H và bà J cho đất như thế nào và cũng không biết ông H có cho bà J mượn đất hay không. Do đó, ông H không chứng minh được phần đất tranh chấp là do cha mẹ ông cho và cũng không chứng minh được ông có quản lý, sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà S là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn bà S yêu cầu buộc bà I trả lại phần đất có diện tích 3.170,2m^2, thuộc thửa đất số 112, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Đối với Tờ sang nhượng thành quả lao động năm 1992, theo người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng không có thật, nên yêu cầu giám định đối với dấu vân tay phía dưới tên ông Thạch H (Bên người sang). Tuy nhiên, không giám định được do dấu vân tay bị mờ. Mặc dù, bà I cho rằng ông H chuyển nhượng cho mẹ của bà 01 công, hiện nay nằm trong phần đất tranh chấp, nhưng nội dung Tờ sang nhượng nêu trên không thể hiện sang nhượng phần đất nào, tọa lạc ở đâu, có nằm trong phần đất tranh chấp hay không, nên không có cơ sở để xác định 01 công đất này nằm trong phần đất tranh chấp và không ai có yêu cầu gì đối với Tờ sang nhượng này, HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà Thị S là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của bà S và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Thị S.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Án tuyên như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch H và bà Thị S về việc yêu cầu buộc bị đơn bà X Thị I trả lại phần đất có diện tích 3.170,2m^2, thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 06, toạ lạc Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có số đo tứ cạnh như sau:

Hướng đông giáp phần đất thuộc thửa 109 có số đo: 39m.

Hướng tây giáp kênh thủy lợi có số đo: 39,05m.

Hướng nam giáp đất bà Dương Thị Ê đang quản lý, sử dụng (đất thuộc thửa 112) có số đo: 79,45m + bờ kênh 02m.

Hướng bắc giáp đất bà X Thị I và bà Dương Thị HG đang quản lý, sử dụng (đất thuộc thửa 97) có số đo: 78,98m + bờ kênh 02m. *(Có sơ đồ kèm theo).*

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thị S được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm (Tại mục 2 và 3 trong phần tuyên xử) không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn